

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/11/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P9+BK6+BK8	7:25	22+0+0	0+0+0		21+0+0	0+0+0	Chuyen 1 BK6-BK8
2		P10+BK15+P11	7:25	13+5+4	0+0+0		8+7+7	0+0+0	
3		P3+BK10+PVD1	7:25	1+7+14	0+0+0		1+6+14	0+0+0	
4		P2+P7+MRM	9:25	7+0+14	0+0+0		5+3+14	0+0+0	
5		P10+BK5+VSP02	9:25	18+4+0	0+0+0		4+2+16	0+0+0	
6		P8+P2+BK3	9:25	0+16+5	0+0+0		0+8+4	0+0+0	Chuyen 1 P8-BK3Chuyen 8 P2-BK3
7		T.JUNG	11:00	9	0		0	0	
8		PVD1+TD1+RC5	11:25	20+2+0	0+0+0		19+0+3	0+0+0	
9		CTK3+BK4+P10	11:25	1+10+10	0+0+0		2+4+13	0+0+0	
10		RCDM-RP2+P2	13:25	1+14+7	0+0+0		1+8+13	0+0+0	
11		RP3+P9+P6	13:25	10+11+1	0+0+0		0+14+8	0+0+0	Chuyen 1 RP3-P9

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 5 người P9 đi về trong ngày

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/11/2022	TO: P9 - BK6 - BK8	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Dương - Hạnh - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN TOAN	P9	21	1	4	60	72	D-HANH	Vietnamese
2	VASIANKIN	P9	26	1	12		115	KH-THAC	Russian
3	CHU MINH HUNG	P9	23	1	2		82	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN VAN LINH	P9					78	NIPI	Vietnamese
5	BUI DINH PHI	P9					65	NIPI	Vietnamese
6	NGUYEN THI HANG	P9	24	1	2		55	NIPI	Vietnamese
7	DO VAN QUYET	P9	22	1	4		85	NHATHAU	Vietnamese
8	TRAN THANH HAI	P9	20	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
9	LE MINH THUY	P9	19	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
10	VO VAN THOI	P9	16	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI NGOC THAN	P9					75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO AN CHUNG	P9	10	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
13	LE MINH THUY	P9					80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VIET CUONG	P9	14	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VIET THANG	P9	07	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM TRAN HUU PHUC	P9	17-18	2	16		95	KH-THAC	Vietnamese
17	HO SI BINH	P9	12	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN VAN BANG	P9	15	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN VAN DUNG	P9	11	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN VAN HA	P9	08-09	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
21	VU DINH THUAN	P9	25	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
22	LE NGOC THANH	P9	13	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	22	20	101	1.638	60	22		CHUYEN I PAX BK6-BK8
2	BK6	0	0	0	0	0	0		
3	BK8	0	0	0	0	15	0		
TOTAL		22	20	101	1.638	75	22		
WEIGHT KG				101	1.638	75			

GRAND TOAL: 1.814 KGS

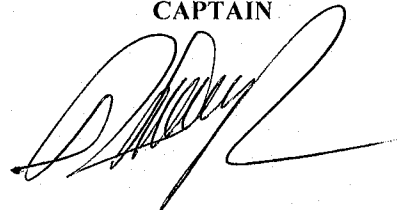
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: P10 - BK15 - P11	CREW: MTHAO - Nam - MQUÂN -	ETA: 09:15
CAM-1		Thành	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM HUYNH VŨ	P10					70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU LƯU	P10	27	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P10	28	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN ĐỨC BA	P10					70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN THUYẾT	P10	18	1	9	60	76	KH-THAC	Vietnamese
6	TÔ QUANG ANH	P10	19	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM HIẾU LIÊM	P10	16	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TOÀN	P10	15	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P10	17	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P10	23	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT ANH	P10	14	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ QUANG HÙNG	P10	20-22	3	18		67	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN QUỐC ĐẠI	P10	29-30	2	18		85	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TIỀN HOÀNG SƠN	BK15	05	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	BK15	08	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	BK15	03	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HOÀNG KHA	BK15	01-02	2	14	25	75	KH-THAC	Vietnamese
18	HOÀNG VĂN PHƯƠNG	BK15	04	1	4		65	PSV	Vietnamese
19	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P11	70	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN DUY HÀ	P11	72-73	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN LINH	P11	69	1	8	20	70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	13	14	92	906	60	8		
2	BK15	5	6	34	345	25	7		
3	P11	3	4	25	204	20	7		
TOTAL		21	24	151	1.455	105	22		
WEIGHT KG				151	1.455	105			

GRAND TOAL: 1.711 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/11/2022	TO: P3 - BK10 - PVD1	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: QViệt - N.ANH - PTUẤN	ETA: 09:20
VANG - 1			

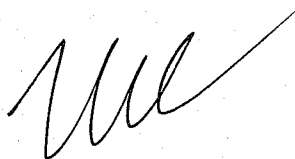
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN Y	P3	35-36	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG TÂN	BK10	35	1	5	30	82	KH-THAC	Vietnamese
3	VU XUAN THUY	BK10	36	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM HOANG GIANG	BK10	14	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
5	NGO TUAN HUNG	BK10	17	1	4		54	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN LỘC	BK10	15	1	16	32	63	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM XUAN THỰC	BK10	12-13	2	17		53	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI NGOC THANG	BK10	11	1	15		50	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐO THANH TUNG	PVD1	71	1	10		70	PVD DD	Vietnamese
10	TRẦN THẾ HIỀN	PVD1	69	1	14		65	PVD DD	Vietnamese
11	EUGENE SCOTT DUBOIS	PVD1	78-79	2	20		123	PVD DD	American
12	NGUYỄN VĂN CHIẾN	PVD1	81-82	2	12		70	PVDO	Vietnamese
13	ĐO VĂN ĐẠT	PVD1	68	1	5		57	PVDO	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TÂN	PVD1	72-73	2	15		57	PVD-BH	Vietnamese
15	KARIMOV TAGIR	PVD1	66	1	15		90	D-HANH	Russian
16	NGUYỄN VĂN TIỀN	PVD1	77	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
17	NGO VIỆT PHƯƠNG	PVD1	76	1	10		92	KHOAN	Vietnamese
18	PHAN VĂN MẠNH	PVD1	75	1	5		59	PVDO	Vietnamese
19	PHẠM TÂN ĐIỀN	PVD1	70	1	7		62	PVDO	Vietnamese
20	NGUYỄN BÌNH DAN	PVD1	74	1	7		67	PVDO	Vietnamese
21	HỒ TRỌNG ĐOÀN	PVD1	67	1	7		73	PVDO	Vietnamese
22	VU THANH TUAN	PVD1	80	1	7		84	PVDO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

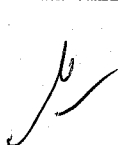
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	1	2	17	67	0	1		
2	BK10	7	8	69	447	62	6		
3	PVD1	14	17	139	1.046	0	14		
TOTAL		22	27	225	1.560	62	21		
WEIGHT KG				225	1.560	62			

GRAND TOAL: 1.847 KGS

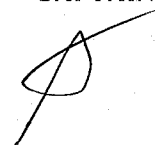
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/11/2022	TO: P2 - P7 - MRM	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Dương - Hạnh - DTùng	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ZAKHARIN SERGEY	P2	46	1	9		108	KH-THAC	Russian
2	DƯƠNG XUÂN ĐIẾP	P2	47	1	4		45	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN ANH ĐỨC	P2	48-49	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẠO VĂN ĐỨC	P2	44	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN ĐĂNG TUẤN	P2	50	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ THANH LONG	P2	42-43	2	6		75	KH-THAC	Vietnamese
7	DƯƠNG VĂN THUẬN	P2	45	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
8	AZARENKOV KIRILL	MRM	41-42	2	25	40	99	AMNGR	Russian
9	ALEKSANDROVICH IVAN	MRM	39	1	15	15	90	AMNGR	Russian
10	MOSHKIN SERGEI	MRM	44-45	2	22	14	75	AMNGR	Russian
11	KANUKOV NIKITA	MRM	51-52	2	23		82	AMNGR	Russian
12	KRUGLOV OLEG	MRM	48-49	2	22	5	81	AMNGR	Russian
13	VŨ QUANG	MRM	55	1	10		80	D-HANH	Vietnamese
14	EREMEEV E.N.	MRM	60	1	19		95	KHOAN	Russian
15	NGUYỄN TUẤN DƯƠNG	MRM	53	1	12		85	DVL	Vietnamese
16	PHẠM QUANG TRUNG	MRM	43	1	15		84	DVL	Vietnamese
17	KRAVTSOV ALEXANDER	MRM	38	1	14		77	DVL	Russian
18	NGUYỄN VĂN MẠNH	MRM	56-58	3	21		66	DVL	Vietnamese
19	VŨ ANH TRỌNG	MRM	54	1	10		67	DVL	Vietnamese
20	TÔNG VĂN DAT	MRM	50	1	6		64	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN CHI HIỆU	MRM	59	1	6		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

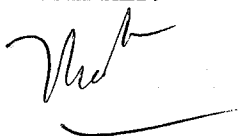
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	7	9	44	497	0	5		
2	P7	0	0	0	0	0	3		
3	MRM	14	20	220	1.115	74	14		
TOTAL		21	29	264	1.612	74	22		
WEIGHT KG				264	1.612	74			

GRAND TOAL: 1.950 KGS

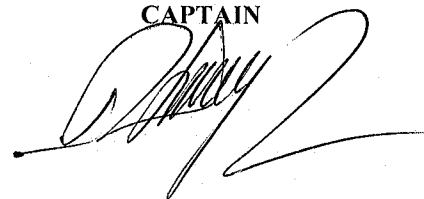
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	TO: P10 - BK5 - VSP02	CREW: MTHAO - Nam - MQUÂN -	ETA: 11:25
CAM-2		Thành	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRỊNH HỮU CÂN	P10	29	1	17		74	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ ĐỨC SANG	P10	28	1	13		64	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ THAI THANH	P10	30-31	2	17	15	72	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN HOÀNG	P10	26-27	2	9		65	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN XUÂN LỘC	P10	79-80	2	15		58	XAYLAP	Vietnamese
6	HOÀNG VĂN THUYẾT	P10	75	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN HAI	P10	24-25	2	15		51	XAYLAP	Vietnamese
8	LƯU QUANG NGHỊ	P10	67	1	9		70	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐỖ TIẾN MẠNH	P10	73	1	10	12	80	XAYLAP	Vietnamese
10	VƯƠNG HUY HOÀN	P10	76-77	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
11	NGÔ VĂN ĐỒNG	P10	69-70	2	15		89	YTE	Vietnamese
12	VŨ BẢO TRUNG	P10	32	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ NGUYỄN TRUNG	P10					60	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC THANH	P10	71	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN LỢI	P10	78	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ANH KHOA	P10	72	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN BẢO LÂM	P10	68	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ NGỌC NGUYỄN	P10					80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGÔ HOÀNG NAM	BK5	35	1	18		77	KH-THAC	Vietnamese
20	KIM NHẬT THANH	BK5	60-62	3	18	15	72	CODIEN	Vietnamese
21	PHẠM VĂN DŨNG	BK5	64	1	14	19	54	CODIEN	Vietnamese
22	MAI ĐÌNH KHANG	BK5	63	1	9		50	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

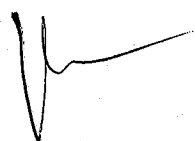
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	18	22	179	1.250	27	4		
2	BK5	4	6	59	253	34	2		
3	VSP02	0	0	0	0	0	16		
TOTAL		22	28	238	1.503	61	22		
WEIGHT KG				238	1.503	61			

GRAND TOAL: 1.802 KGS

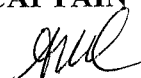
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/11/2022	TO: P8 - P2 - BK3	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: QViệt - N.ANH - PTUẤN	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU PHI	P2				38	70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY NGỌC	P2	92	1	8	20	72	KH-THAC	Vietnamese
3	HA VAN TRUNG	P2	94	1	12		76	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOÀN KHÁC CÂN	P2	40	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN SƠN TIẾN	P2	99	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	VÔ ANH NGỌC	P2	97-98	2	15		60	KH-THAC	Vietnamese
7	PHÙNG ANH TUẤN	P2	95-96	2	15		62	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC TÂN	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG TRỌNG THAO	P2	93	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÀO QUANG THIẾT	P2	600	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	P2	39	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẦN QUY DUNG	P2	89	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
13	CHÊ NGỌC TÚ	P2	37-38	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN TRỌNG	P2	90-91	2	18		80	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN TRUNG SY	P2	41	1	12		10	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN VĂN TOÀN	P2	28	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ QUÝ TOÀN	BK3	69-70	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ DUY KHƯƠNG	BK3	68	1	6	30	60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	BK3	66	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẦN CÔNG THÀNH	BK3	65	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN SA	BK3	67	1	4		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	0	0	0	0	18	0	1	CHUYEN 1 PAX P8-BK3
2	P2	16	18	151	1.043	58	8	8	CHUYEN 8 PAX P2-BK3
3	BK3	5	6	28	344	30	4	8	
TOTAL		21	24	179	1.387	106	12		
WEIGHT KG				179	1.387	106			

GRAND TOAL: 1.672 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 11:15
FLIGHT: 7	TO: T.UNG	CREW: Phương - <i>Chia</i>	ETA: 14:25
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH MINH ĐỨC	T.UNG	15-16	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN HÀ	T.UNG	09	1	12		72	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN CUÔNG	T.UNG	18	1	18		72	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN ĐÌNH HẠNH	T.UNG	07-08	2	16		78	XAYLAP	Vietnamese
5	HOANG ANH SƠN	T.UNG	10-11	2	14		74	XAYLAP	Vietnamese
6	LUƠNG THÈ MINH	T.UNG	04	1	5		65	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH TRUNG	T.UNG	05-06	2	12		72	T-TIN	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH CUÔNG	T.UNG	02	1	5		80	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	T.UNG	03	1	4		63	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN TOÀN THẮNG	T.UNG	12	1	12	20	72	CODIEN	Vietnamese
11	LÊ TUẤN ANH	T.UNG	13-14	2	15		74	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	11	16	128	787	20	1		
TOTAL		11	16	128	787	20	1		
WEIGHT KG				128	787	20			

GRAND TOAL: 935 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Fuel: 2200kg (Nam)

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:00
FLIGHT: 8	TO: PVD1 - TD1 - RC5	CREW: HUNG - NPhú - Huy	ETA: 13:40
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN DŨNG	PVD1	72	1	5		70	PVDO	Vietnamese
2	NGUYỄN TRUNG DŨNG	PVD1	66	1	7	20	85	PVDO	Vietnamese
3	NGUYỄN KHÁC LÂM	PVD1	68	1	6		63	PVDO	Vietnamese
4	TRẦN VĂN ĐỨC	PVD1	60	1	5		70	PVDO	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN BIÊN	PVD1	69-70	2	12		70	PSV	Vietnamese
6	ĐỖ ĐỨC HIỆP	PVD1	71	1	5		55	PSV	Vietnamese
7	LÊ PHAN NGỌC HÙNG	PVD1	74-75	2	15		70	PSV	Vietnamese
8	NGÔ BA HIỆU	PVD1	73	1	10		70	PVD INVE	Vietnamese
9	NGUYEN HUNG SON	PVD1	54-55	2	18		62	PVD-BH	Vietnamese
10	DAO DUY KHANH	PVD1	57	1	15		80	PVD-BH	Vietnamese
11	VÔ HỮU NHAN	PVD1	63	1	10		64	DVL	Vietnamese
12	LÊ VĂN THĂNG	PVD1	53	1	14		75	DVL	Vietnamese
13	VŨ TRUNG KIẾN	PVD1	83	1	14		75	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN ĐỨC SƠN	PVD1	61-62	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN QUỐC HÙNG	PVD1	67	1	16		85	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG PHƯƠNG NAM	PVD1	64-65	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HOANG AN	PVD1	58-59	2	18		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THIÊN CHÍ	PVD1	56	1	7		70	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC DANH	TD1	73-74	2	18	15	60	XAYLAP	Vietnamese
20	CAO VĂN MẠNH	TD1	75-77	3	18	55	70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

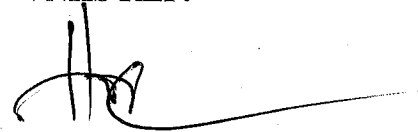
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	18	24	207	1.282	20	18		
2	TD1	2	5	36	130	70	0		
3	RC5	0	0	0	0	15	3		
TOTAL		20	29	243	1.412	105	21		
WEIGHT KG				243	1.412	105			

GRAND TOAL: 1.760 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/11/2022	TO: CTK3 - BK4 - P10	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:05
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: TTrung - XTrường - THỤ -	ETA: 13:45
TRANG-3		Tú	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRI TIN	CTK3	69	1	10		75	SBAY	Vietnamese
2	NGUYEN TIEN DUNG	BK4	11-12	2	7		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TRONG VU	BK4	08-09	2	10	35	82	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN TIEN	BK4	10	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
5	LE VAN Y	BK4	25	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN BA SON	BK4	32	1	10	15	67	XAYLAP	Vietnamese
7	NGO VAN QUAN	BK4	05-06	2	18		52	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN DOAN HA	BK4	28-29	2	15		85	XAYLAP	Vietnamese
9	LE HOAI NGUYEN	BK4	30-31	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
10	DOAN VAN GIAP	BK4	26	1	10	15	75	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAM XUAN MANH	BK4	07	1	4		65	PSV	Vietnamese
12	LE CHI HIEU	P10					76	KH-THAC	Vietnamese
13	VO THANH NHAN	P10	49-50	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
14	TRAN XUAN NGOC	P10	60	1	17	10	70	XAYLAP	Vietnamese
15	QUACH TIEN DUONG	P10	58-59	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese
16	TRAN VAN TOAN	P10	51-52	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
17	LE BA QUYEN	P10	64-65	2	14		54	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN HUU HANH	P10	62-63	2	17		64	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAM TIEN HAI	P10	54	1	12	20	70	XAYLAP	Vietnamese
20	PHAM VAN TAI	P10	53	1	4		75	PSV	Vietnamese
21	LE VAN VIET	P10	57	1	5		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

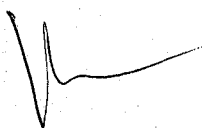
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	1	1	10	75	0	2		
2	BK4	10	15	113	719	65	4		
3	P10	10	14	126	691	30	13		
TOTAL		21	30	249	1.485	95	19		
WEIGHT KG				249	1.485	95			

GRAND TOAL: 1.829 KGS

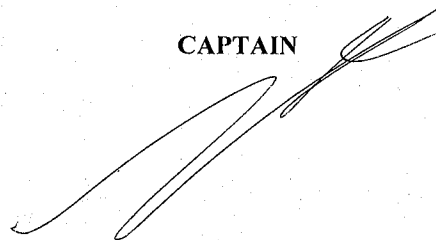
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/11/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 14:10
FLIGHT: 10	TO: RCDM - RP2 - P2	CREW: HUNG - NPhu - Huy	ETA: 15:50
VANG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÔ TRỌNG BĂNG	RCDM	02	1	8		77	PSV	Vietnamese
2	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	RP2	42-43	2	15		77	DVL	Vietnamese
3	HOANG ĐĂNG THIÊN	RP2	46	1	12		70	DVL	Vietnamese
4	NHAM ĐỨC TUÂN	RP2	49-50	2	11		74	DVL	Vietnamese
5	TRẦN QUỐC TOÀN	RP2	41	1	13		86	XAYLAP	Vietnamese
6	VŨ VĂN DUÂN	RP2	31	1	16		72	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN ĐỨC LỢI	RP2	37-38	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN THỂ	RP2	30	1	15		63	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐẶNG TAT HẠNH	RP2	34-35	2	15	17	65	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN KHÁC THO	RP2	28-29	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
11	LƯƠNG MINH HIỆP	RP2	32-33	2	20		87	XAYLAP	Vietnamese
12	MAI VÕ TRƯỜNG GIANG	RP2	47-48	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
13	VÕ QUỐC TUÂN	RP2	44-45	2	20		85	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ HUY	RP2	39-40	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN BA ĐIẾP	P2	51-52	2	20		77	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ NGỌC ANH	P2	53-54	2	20		95	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC TUYẾN	P2	33,37	2	20		78	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN MẠNH DŨNG	P2	30-31	2	20		78	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ VĂN LỘC	P2	32	1	10	7	65	T-TIN	Vietnamese
20	NGUYỄN DUY KHANG	P2	35-36	2	20		82	YTE	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN NĂNG	P2	34	1	5		62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

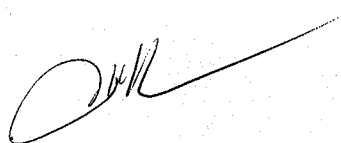
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	1	1	8	77	0	1		
2	RP2	13	22	211	944	17	8		
3	P2	7	12	115	537	7	13		
TOTAL		21	35	334	1.558	24	22		
WEIGHT KG				334	1.558	24			

GRAND TOAL: 1.916 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/11/2022	TO: RP3 - P9 - P6	AIRCRAFT: 426	ETD: 14:15
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: TTrung - XTrường - THỤ - Tú	ETA: 15:55
NAU-4			

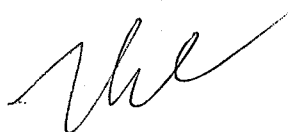
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN HẠNH	RP3	32-33	2	17		53	CODIEN	Vietnamese
2	ĐẶNG QUANG LỘC	RP3	43	1	11	20	63	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN HIỆP THANH	RP3	41	1	10		81	CODIEN	Vietnamese
4	HOANG ĐỨC HAI	RP3	42	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐẠI NGHĨA	RP3	40	1	11		52	CODIEN	Vietnamese
6	TRẦN XUÂN TRUNG	RP3	30-31	2	10		77	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN DUAN	RP3	38-39	2	12		65	KHI	Vietnamese
8	LÊ VĂN ĐÀI	RP3	37,54	2	15		71	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN XÙNG	RP3	34-35	2	10		62	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN TÂN HOÀNG	RP3	36	1	4		64	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN TUNG	P9	35	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN HAI	P9	33	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN CAO CHÍ	P9	31	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN HAI HÀ	P9	41-43	3	19		62	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC CHÂN	P9	40	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG KHIÊM	P9	39	1	11		72	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN TIẾN TRƯỜNG	P9	37-38	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN VĂN TOÀN	P9	36	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
19	HỒ ĐỨC HIẾN	P9	34	1	8		50	YTE	Vietnamese
20	ĐOÀN CHÍ TÀI	P9	32	1	5		70	PSV	Vietnamese
21	TRIỆU TÂN CÔNG SƠN	P9	30	1	4		62	PSV	Vietnamese
22	PHẠM VĂN SƠN	P6	10-11	2	15	102	55	DUY LINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

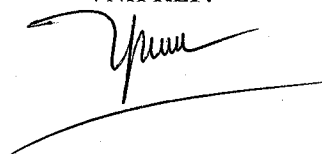
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	10	15	110	653	20	0 + 1		CHUYEN 1 PAX RP3-P9
2	P9	11	14	90	736	0	14		
3	P6	1	2	15	55	102	8		
TOTAL		22	31	215	1,444	122	22		
WEIGHT KG				215	1,444	122			

GRAND TOAL: 1.781 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

